

KẾT QUẢ VÒNG THI BÁN KẾT OLYMPIC "CHINH PHỤC IELTS"**DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC NĂM HỌC 2022-2023***(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDDT ngày /4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Họ và tên	Lớp	Trường	Kết quả thi						Ghi chú
				Nghe		Đọc		Tổng		
				Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	
1	Tổng Mai Anh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	36	8	35	8	71	16	Thi chung kết
2	Phạm Thị Hương Giang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	36	8	35	8	71	16	Thi chung kết
3	Vũ Duy Quang	11A	Nguyễn Huệ	36	8	35	8	71	16	Thi chung kết
4	Nguyễn Hương Giang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	37	8,5	33	7,5	70	16	Thi chung kết
5	Trần Việt Khánh	11A	THSP Tràng An	35	8	35	8	70	16	Thi chung kết
6	Phùng Thị Phương Anh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	34	7,5	36	8	70	15,5	Thi chung kết
7	Nguyễn Lê Minh Khanh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	34	7,5	35	8	69	15,5	Thi chung kết
8	Nguyễn Hoàng Ngân	11G	Nguyễn Huệ	34	7,5	35	8	69	15,5	Thi chung kết
9	Ngô Tuấn Minh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	35	8	33	7,5	68	15,5	Thi chung kết
10	Nguyễn Thái An	10B1	Kim Sơn A	32	7	36	8	68	15	Thi chung kết
11	Nguyễn Phú Lộc	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	32	7	36	8	68	15	Thi chung kết
12	Tô Phương Anh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	34	7,5	33	7,5	67	15	Thi chung kết
13	Đặng Hoàng Hải	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	33	7,5	33	7,5	66	15	Thi chung kết
14	Trần Ngô Thanh Nga	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	30	7	35	8	65	15	Thi chung kết
15	Nguyễn Hà Mai Anh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	31	7	34	7,5	65	14,5	Thi chung kết
16	Nguyễn Thanh Bình	11H	Nguyễn Huệ	32	7	33	7,5	65	14,5	Thi chung kết
17	Vũ Hằng Giang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	34	7,5	31	7	65	14,5	Thi chung kết
18	Phạm Nguyễn Khải Nguyên	10A1	Nho Quan B	31	7	34	7,5	65	14,5	Thi chung kết
19	Nguyễn Việt Phương	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	34	7,5	31	7	65	14,5	Thi chung kết
20	Nguyễn Mai Phương	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	32	7	33	7,5	65	14,5	Thi chung kết
21	Vũ Mai Hương	11G	Nguyễn Huệ	29	6,5	35	8	64	14,5	Thi chung kết
22	Trần Thị Phương Mai	11A	Bình Minh	30	7	34	7,5	64	14,5	Thi chung kết
23	Đinh Mai Phương	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	27	6,5	35	8	62	14,5	Thi chung kết
24	Phạm Hà Phương Linh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	31	7	32	7	63	14	Thi chung kết
25	Vũ Hà Bảo Trân	11A5	Đinh Tiên Hoàng	31	7	32	7	63	14	Thi chung kết
26	Mai Hiền Trang	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	32	7	31	7	63	14	Thi chung kết

TT	Họ và tên	Lớp	Trường	Kết quả thi						Ghi chú
				Nghe		Đọc		Tổng		
				Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	
27	Trịnh Quốc Đại	11A9	Đình Tiên Hoàng	29	6,5	33	7,5	62	14	Thi chung kết
28	Đoàn Phan Hải Long	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	36	8	26	6	62	14	Thi chung kết
29	Vũ Phương Thảo	11A	Nguyễn Huệ	30	7	32	7	62	14	Thi chung kết
30	Vũ Đỗ Minh Thảo	10B1	Kim Sơn A	32	7	30	7	62	14	Thi chung kết
31	Nguyễn Thanh Thuý	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	30	7	32	7	62	14	Thi chung kết
32	Hoàng Phương Chi	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	33	7,5	28	6,5	61	14	Thi chung kết
33	Trần Thu Hòa	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	26	6	35	8	61	14	Thi chung kết
34	Bùi Hương Ly	11M	Yên Khánh A	27	6,5	34	7,5	61	14	Thi chung kết
35	Nguyễn Mai Diễm	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	30	7	30	7	60	14	Thi chung kết
36	Đỗ Quyên	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	24	6	35	8	59	14	Thi chung kết
37	Vũ Trần Khánh An	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	32	7	29	6,5	61	13,5	Thi chung kết
38	Dương Đình Quang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	29	6,5	32	7	61	13,5	Thi chung kết
39	Đặng Khánh Chi	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	28	6,5	32	7	60	13,5	Thi chung kết
40	Nguyễn Như Quỳnh	11A11	Đình Tiên Hoàng	28	6,5	32	7	60	13,5	Thi chung kết
41	Nguyễn Thùy Dung	11B10	Yên Khánh B	32	7	27	6,5	59	13,5	Thi chung kết
42	Lê Ngọc Hiếu	11B5	Kim Sơn A	29	6,5	30	7	59	13,5	Thi chung kết
43	Phạm Thanh Thảo	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	29	6,5	30	7	59	13,5	Thi chung kết
44	Trần Phương Mai	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	25	6	33	7,5	58	13,5	Thi chung kết
45	Nguyễn Hạnh Nguyên	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	25	6	33	7,5	58	13,5	Thi chung kết
46	Vũ Chi Mai	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	24	6	32	7	56	13	Giải KK
47	Phạm Ngọc My	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	29	6,5	27	6,5	56	13	Giải KK
48	Trần Ngọc Khánh Thu	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	27	6,5	29	6,5	56	13	Giải KK
49	Đặng Bảo Trâm	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	26	6	30	7	56	13	Giải KK
50	Đỗ Minh Hằng	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	28	6,5	27	6,5	55	13	Giải KK
51	Phạm Thanh Huyền	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	23	6	31	7	54	13	Giải KK
52	Nguyễn Đức Hùng	11A9	Đình Tiên Hoàng	28	6,5	26	6	54	12,5	Giải KK
53	Vũ Quang Huy	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	22	5,5	32	7	54	12,5	Giải KK
54	Đình Thu Phương	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	28	6,5	26	6	54	12,5	Giải KK
55	Ngô Hà Phương	11B1	Kim Sơn A	25	6	29	6,5	54	12,5	Giải KK

TT	Họ và tên	Lớp	Trường	Kết quả thi						Ghi chú
				Nghe		Đọc		Tổng		
				Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	
56	Vũ Thị Phương Duyên	11B4	Gia Viễn C	24	6	29	6,5	53	12,5	Giải KK
57	Đào Phương Anh	11A9	Đình Tiên Hoàng	29	6,5	23	6	52	12,5	Giải KK
58	Nguyễn Thiện Bảo	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	27	6,5	25	6	52	12,5	Giải KK
59	Nguyễn Mai Bình	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	22	5,5	30	7	52	12,5	Giải KK
60	Nguyễn Ngọc Hà	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	25	6	27	6,5	52	12,5	Giải KK
61	Trần Minh Quân	10B1	Kim Sơn A	27	6,5	25	6	52	12,5	Giải KK
62	Phạm Nguyễn Ngọc Ánh	11E	Nho Quan B	24	6	27	6,5	51	12,5	Giải KK
63	Lâm Quốc Dũng	11A	Nguyễn Huệ	23	6	28	6,5	51	12,5	Giải KK
64	Trịnh Minh Châu	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	23	6	27	6,5	50	12,5	Giải KK
65	Đào Thị Thủy Dung	11G	Nguyễn Huệ	23	6	27	6,5	50	12,5	Giải KK
66	Lưu Ngân Giang	11G	Nguyễn Huệ	22	5,5	28	6,5	50	12	Giải KK
67	Lã Văn Hiệp	11M	Yên Khánh A	24	6	26	6	50	12	Giải KK
68	Đặng Trần Khánh Huyền	11G	Nguyễn Huệ	28	6,5	22	5,5	50	12	Giải KK
69	Tổng Thu Hằng	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	22	5,5	27	6,5	49	12	Giải KK
70	Nguyễn Phương Linh	12A	THSP Tràng An	25	6	24	6	49	12	Giải KK
71	Nguyễn Ngọc Linh	10B1	Kim Sơn A	27	6,5	22	5,5	49	12	Giải KK
72	Nguyễn Diệu Linh	11A	Nguyễn Huệ	24	6	25	6	49	12	Giải KK
73	Nguyễn Thị Khánh Ly	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	22	5,5	27	6,5	49	12	Giải KK
74	Nguyễn Thị Bảo Yến	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	23	6	26	6	49	12	Giải KK
75	Phạm Yên Ngọc	10B11	Kim Sơn A	21	5,5	27	6,5	48	12	
76	Bùi Thiên Hải	10B	Yên Mô A	17	5	30	7	47	12	
77	Nguyễn Cẩm Linh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	20	5,5	27	6,5	47	12	
78	Phạm Hiền Mai	11A4	Yên Mô B	24	6	23	6	47	12	
79	Phạm Vũ Hồng Minh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	23	6	24	6	47	12	
80	Đỗ Ngân Hà	11A11	Đình Tiên Hoàng	19	5	29	6,5	48	11,5	
81	Lã Ngọc Kim Khánh	11G	Nguyễn Huệ	25	6	22	5,5	47	11,5	
82	Phạm Ngọc Ngân Châm	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	23	6	22	5,5	45	11,5	
83	Nguyễn Hạnh Dung	11G	Nguyễn Huệ	27	6,5	18	5	45	11,5	
84	Vũ Thị Việt Hà	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	24	5,5	24	6	45	11,5	

TT	Họ và tên	Lớp	Trường	Kết quả thi						Ghi chú
				Nghe		Đọc		Tổng		
				Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	
85	Đinh Thùy Linh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	23	6	22	5,5	45	11,5	
86	Nguyễn Phương Linh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	13	4,5	32	7	45	11,5	
87	Bùi Nguyễn Bảo Yên	11A4	Yên Mô B	27	6,5	18	5	45	11,5	
88	Vũ Phương Mai	12A	THSP Tràng An	23	6	20	5,5	43	11,5	
89	Dương Quốc Đạt	11A	Nguyễn Huệ	22	5,5	22	5,5	44	11	
90	Nguyễn Hà Oanh	10B1	Kim Sơn A	19	5	25	6	44	11	
91	Phạm Bá Hiệp	10A5	Nho Quan B	22	5,5	21	5,5	43	11	
92	Trần Nguyễn Gia Khánh	10B1	Kim Sơn A	19	5	24	6	43	11	
93	Đinh Thị Khánh Ly	10A3	Hoa Lư A	24	6	19	5	43	11	
94	Nguyễn Minh Trang	11D	Yên Khánh A	27	6,5	15	4,5	42	11	
95	Lưu Thị Phi Yên	11B5	Trần Hưng Đạo	21	5,5	21	5,5	42	11	
96	Quách Phương Thảo	10A5	Đình Tiên Hoàng	16	5	24	6	40	11	
97	Nguyễn Duy Thịnh	10A7	Đình Tiên Hoàng	27	6,5	13	4,5	40	11	
98	Lại Thanh Tùng	10B	Vũ Duy Thanh	23	6	16	5	39	11	
99	Phạm Tiến Đạt	10B1	Kim Sơn A	14	4,5	26	6	40	10,5	
100	Đặng Tuấn Dũng	10A	Yên Khánh B	21	5,5	19	5	40	10,5	
101	Nguyễn Vy Nhung	10B11	Kim Sơn A	19	5	21	5,5	40	10,5	
102	Đào Minh Nguyệt	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	21	5,5	18	5	39	10,5	
103	Phạm Tiến Thành	10A	Yên Mô A	18	5	21	5,5	39	10,5	
104	Phạm Mai Anh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	27	6,5	11	4	38	10,5	
105	Nguyễn Thị Hoài Linh	10B11	Kim Sơn A	18	5	20	5,5	38	10,5	
106	Vũ Phương Nhung	11A	Yên Mô A	16	5	21	5,5	37	10,5	
107	Phạm Thị Phương Thảo	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	17	5	20	5,5	37	10,5	
108	Vũ Thành Hưng	10A3	Nho Quan B	16	5	20	5,5	36	10,5	
109	Nguyễn Ngọc Châu Giang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	26	6	12	4	38	10	
110	Đoàn Minh Khuê	10M	Yên Khánh B	19	5	18	5	37	10	
111	Phạm Hà Vy	11A	Bình Minh	19	5	18	5	37	10	
112	Đinh Thị Tâm Anh	10A5	Đình Tiên Hoàng	22	5,5	14	4,5	36	10	
113	Nguyễn Ngọc Ánh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	16	5	19	5	35	10	

TT	Họ và tên	Lớp	Trường	Kết quả thi						Ghi chú
				Nghe		Đọc		Tổng		
				Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	Số câu đúng	Điểm	
114	Nguyễn Mai An	10A6	Đình Tiên Hoàng	13	4,5	21	5,5	34	10	
115	Nguyễn Ngọc Tiên Mạnh	11A7	Gia Viễn B	24	6	10	4	34	10	
116	Nguyễn Hiền Mai	11E	Nho Quan B	16	5	17	5	33	10	
117	Nguyễn Thị Hà Linh	10B11	Kim Sơn A	19	5	15	4,5	34	9,5	
118	Hoàng Thị Trà My	11E	Nho Quan B	12	4	22	5,5	34	9,5	
119	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10A1	Yên Mô B	19	5	15	4,5	34	9,5	
120	Trương Thành Trung	11A9	Đình Tiên Hoàng	18	5	15	4,5	33	9,5	
121	An Ngân Hà	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	17	5	13	4,5	30	9,5	
122	Phạm Kiều Trang	11A9	Đình Tiên Hoàng	15	4,5	15	4,5	30	9	
123	Đào Khánh Ly	10N	Nho Quan A	12	4	17	5	29	9	
124	Nguyễn Hương Giang	10A1	Gia Viễn B	12	4	14	4,5	26	8,5	
125	Trịnh Thảo Nguyên	10D	Yên Mô A	12	4	13	4,5	25	8,5	
126	Trần Thế Võ	10A1	Kim Sơn B	13	4,5	12	4	25	8,5	
127	Tạ Ngọc Cường	11A1	Kim Sơn B	10	4	14	4,5	24	8,5	
128	Bùi Quách Hà Dương	10B	Nho Quan A	13	4,5	11	4	24	8,5	
129	Đỗ Thảo Vy	11A	Bình Minh	10	4	14	4,5	24	8,5	
130	Tổng Minh Cường	11A9	Đình Tiên Hoàng	18	5	5	3	23	8	
131	Bùi Thị Huyền Trang	11E	Nho Quan B	8	3,5	15	4,5	23	8	
132	Dương Mai Thương	10D	Nho Quan C	10	4	12	4	22	8	
133	Vũ Mai Trang	11A	Yên Mô A	10	4	12	4	22	8	
134	Nguyễn Vũ Hạnh Nguyên	11B5	Trần Hưng Đạo	10	4	9	3,5	19	7,5	
135	Nguyễn Hà Phương	11A	THSP Tràng An	9	3,5	8	3,5	17	7	
136	Bùi Khánh Ly	10D	Nho Quan C	6	3	10	4	16	7	
137	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11A	Nguyễn Công Trứ	2	0	6	3	8	3	

(Danh sách gồm 20 trường THPT, 137 học sinh)

**KẾT QUẢ VÒNG THI BÁN KẾT OLYMPIC "CHINH PHỤC IELTS"
DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDĐT ngày /4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

SBD	Họ và tên	Lớp	Trường	Thứ tự thi	Thời gian thi
1	Nguyễn Thái An	10B1	Kim Sơn A	01	Sáng 14/4
2	Vũ Trần Khánh An	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy		
3	Tổng Mai Anh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	02	Sáng 14/4
4	Phùng Thị Phương Anh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
5	Tô Phương Anh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	03	Sáng 14/4
6	Nguyễn Hà Mai Anh	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy		
7	Nguyễn Thanh Bình	11H	Nguyễn Huệ	04	Sáng 14/4
8	Hoàng Phương Chi	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy		
9	Đặng Khánh Chi	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	05	Sáng 14/4
10	Trịnh Quốc Đại	11A9	Đình Tiên Hoàng		
11	Nguyễn Mai Diễm	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	06	Sáng 14/4
12	Nguyễn Thùy Dung	11B10	Yên Khánh B		
13	Phạm Thị Hương Giang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	07	Sáng 14/4
14	Nguyễn Hương Giang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
15	Vũ Hằng Giang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	08	Sáng 14/4
16	Đặng Hoàng Hải	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
17	Lê Ngọc Hiếu	11B5	Kim Sơn A	09	Sáng 14/4
18	Trần Thu Hòa	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
19	Vũ Mai Hương	11G	Nguyễn Huệ	10	Sáng 14/4
20	Nguyễn Lê Minh Khanh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
21	Trần Việt Khánh	11A	THSP Tràng An	11	Sáng 14/4
22	Phạm Hà Phương Linh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
23	Nguyễn Phú Lộc	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	12	Sáng 14/4
24	Đoàn Phan Hải Long	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
25	Bùi Hương Ly	11M	Yên Khánh A	13	Sáng 14/4
26	Trần Thị Phương Mai	11A	Bình Minh		
27	Trần Phương Mai	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	14	Sáng 14/4
28	Ngô Tuấn Minh	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
29	Trần Ngô Thanh Nga	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	15	Sáng 14/4
30	Nguyễn Hoàng Ngân	11G	Nguyễn Huệ		
31	Phạm Nguyễn Khải Nguyên	10A1	Nho Quan B	16	Sáng 14/4
32	Nguyễn Hạnh Nguyên	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
33	Nguyễn Việt Phương	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	17	Chiều 14/4
34	Nguyễn Mai Phương	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy		
35	Đình Mai Phương	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	18	Chiều 14/4
36	Vũ Duy Quang	11A	Nguyễn Huệ		
37	Dương Đình Quang	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	19	Chiều 14/4
38	Đỗ Quyên	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy		
39	Nguyễn Như Quỳnh	11A11	Đình Tiên Hoàng	20	Chiều 14/4
40	Vũ Phương Thảo	11A	Nguyễn Huệ		
41	Vũ Đỗ Minh Thảo	10B1	Kim Sơn A	21	Chiều 14/4
42	Phạm Thanh Thảo	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy		
43	Nguyễn Thanh Thúy	10 Anh 1	Chuyên Lương Văn Tụy	22	Chiều 14/4
44	Vũ Hà Bảo Trân	11A5	Đình Tiên Hoàng		
45	Mai Hiền Trang	10 Anh 2	Chuyên Lương Văn Tụy	23	Chiều 14/4

(Danh sách gồm 09 trường THPT, 45 học sinh)